

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST

Ngày 21-5-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 4 năm 2019 và 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2018/TLST-DS ngày 19/12/2018 về “Tranh chấp hợp đồng đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-DS ngày 15/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S;

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Hữu T, chức vụ: Phó phòng Giao dịch H - Ngân hàng S – Chi nhánh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền số 57/2019/GUQ-QNI ngày 22-4-2019); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1990, Nguyễn Lâm T, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28-11-2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05-4-2018, Ngân hàng S cho bà Phan Thị C, ông Nguyễn Lâm T vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/LD1809600300; thời hạn vay là 12 tháng, mục đích để phát triển kinh tế gia đình; lãi suất cho vay 03 tháng đầu tiên là 0,917%/ tháng, từ tháng thứ tư trở đi kể từ ngày nhận nợ, lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng + biên độ 0,375%/tháng được điều chỉnh 03 tháng/lần; tiền lãi trả hàng tháng, tiền gốc trả cuối kỳ; ngoài ra Ngân hàng S và ông T, bà C còn ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho ông T vay số tiền 15.000.000 đồng, bà C vay số tiền 20.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 373, tờ bản đồ số 8, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 111298, số vào sổ số CS03317, theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1519700042/HĐTC ngày 16-7-2015 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1519700042/HĐTC-02 ngày 05-4-2018. Việc thế chấp tài sản bảo đảm và thỏa thuận sửa đổi đã được Văn phòng Công chứng P công chứng ngày 16-7-2015, ngày 05-4-2018, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng S nên toàn bộ nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21-5-2019, bà C, ông T còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền 479.269.476 đồng, trong đó tổng dư nợ là 443.232.310 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 36.037.166 đồng.

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C, ông T trả cho Ngân hàng S số tiền nợ nêu trên và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22-5-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà C, ông T không trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 373, tờ bản đồ số 8, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng S. Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ yêu cầu bà C, ông T tiếp tục trả nợ theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng S.

** Bị đơn bà Phan Thị C, ông Nguyễn Lâm T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà C, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền tính tới ngày 20-11-2018 là 445.811.621 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 21-11-2018 cho đến khi trả xong các khoản nợ. Trường hợp bà C, ông T không trả nợ thì tuyên xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng S. Án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là bà Phan Thị C, ông Nguyễn Lâm T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà C và ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng trong thời hạn luật định không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 01/LD1809600300 ngày 05-4-2018, hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 23-8-2017, hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 19-9-2017 thể hiện bà C và ông T có vay của Ngân hàng S số tiền 435.000.000 đồng. Để bảo đảm cho các khoản vay trên, bà C, ông T thế chấp tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 373, tờ bản đồ số 8, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; hợp đồng thế chấp, thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Theo bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ khoản vay do Ngân hàng S cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn bà C, ông T vi phạm nghĩa vụ

trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng S nên toàn bộ nợ vay của bà C, ông T đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, việc Ngân hàng S khởi kiện bà C, ông T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà C, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 21-5-2019 là 479.269.476 đồng, trong đó tổng dư nợ là 443.232.310 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 36.037.166 đồng và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 22-5-2019 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản vay.

Trường hợp bà C, ông T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng S.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Bà C, ông T chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng S đã tạm ứng chi phí tố tụng 2.000.000 đồng nên bà C, ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng S.

[2.5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà C, ông T phải chịu 23.170.779 đồng (20.000.000 đồng + 4% của số tiền 79.269.476 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng S.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 91, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 318, 320 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc bà Phan Thị Cẩm, ông Nguyễn Lâm Thương có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ tính đến ngày 21-5-2019 là 479.269.476 đồng (bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó tổng dư nợ là 443.232.310 đồng (bốn trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười đồng), tiền nợ lãi quá hạn là 36.037.166 đồng (ba mươi sáu triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 22-5-2019 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng (bao gồm Hợp đồng tín dụng số 01/LD1809600300 ngày 05/4/2018, hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 23-8-2017,

hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 19-9-2017) cho đến khi thanh toán xong các khoản vay.

2. Trường hợp bà Phan Thị Cẩm, ông Nguyễn Lâm Thương không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 373, tờ bản đồ số 8, xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

3. Bà Phan Thị Cẩm, ông Nguyễn Lâm Thương phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên bà Phan Thị Cẩm, ông Nguyễn Lâm Thương có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Bà Phan Thị Cẩm, ông Nguyễn Lâm Thương phải chịu 23.170.779 đồng (hai mươi ba triệu, một trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tiền tạm ứng án phí 10.916.232 đồng (mười triệu, chín trăm mười sáu nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000225 ngày 14-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh